

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 4 – 2021

“V/v Tranh chấp của nam, nữ  
chung sống với nhau như vợ chồng  
mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thúy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Mỹ Hương.

2. Ông Bùi Đức Thắng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đát, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự.

**- Nguyên đơn:** Bà Dương T, sinh năm: 1969 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp BT, xã DB, Tp. CM, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Ông Trần G, sinh năm: 1967 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp BT, xã DB, Tp. CM, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa bà Dương T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do ông bà bất đồng

quan điểm dẫn đến cự cãi thường xuyên và đánh nhau rất nhiều lần. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ hai bên có biết nhưng không tổ chức hòa giải hàn gắn. Ông bà đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà T xác định tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông G.

Về con chung: Ông bà có ba người con chung tên Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1991, Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1995, Trần Văn N, sinh năm: 2002. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không nợ ai và không ai nợ lại ông bà nên không đề cập giải quyết.

*Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa ông Trần G trình bày:*

Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, ly thân đúng như bà T trình bày. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông, ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có ba người con chung tên Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1991, Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1995, Trần Văn N, sinh năm: 2002. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông G xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông G xác định không nợ ai và không ai nợ lại ông bà nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của bà Dương T về việc xin không công nhận vợ chồng với ông Trần G thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Ông G là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Bình Thành, xã Định Bình, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về hôn nhân: Bà Dương T và ông Trần G tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương. Từ năm 1990 đến năm 2016, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông, bà đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, cho nên hôn nhân giữa ông, bà không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay ông, bà yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã, gây bất hòa và đánh nhau, không tin tưởng lẫn nhau, ông, bà đã tự ly thân thời gian dài từ năm 2016

đến nay mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, bà T và ông G đều xác định tình cảm vợ, chồng không còn.

Xét mâu thuẫn thực tế của bà T và ông G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên ông bà không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Ông bà có ba người con chung tên Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1991, Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1995, Trần Văn N, sinh năm: 2002. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông G xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông G khai rằng giữa ông, bà không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Dương T và ông Trần G là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà T và ông G xác định có ba người con chung tên Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1991, Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1995, Trần Văn N, sinh năm: 2002. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông G xác định không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà T và ông G khai rằng giữa ông, bà không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà T phải chịu 300.000đồng. Ngày 17 tháng 3 năm 2021, bà T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số: 0000788 được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Lê Thúy Dung**